TÔN GIÁO VÀ DÂN TỘC

BIỂU HIỆN CỦA YẾU TỐ NỮ QUA HÌNH TƯỢNG PHẬT BÀ QUAN ÂM TRONG TƯ TƯỞNG PHẬT GIÁO VIỆT NAM

TRỊNH THỊ DUNG(*)

"Phật Bà Quan Âm", tên người dân thường xưng tụng, là một hình tượng đặc biệt phổ biến trong Phật giáo Việt Nam. Đó là một tên gọi khác của Quán Thế Âm Bồ tát. Phật Bà Quan Âm trong tâm tưởng người Việt Nam có tính cách là một vị "thần linh Phật giáo" theo quan niệm Đại thừa, không phải là một nhân vật lịch sử nào đó được thiêng hóa.

Cũng như tất cả các thần linh được hư cấu khác, Ngài có một tiểu sử nửa thiêng nửa thực, như chép trong *Pháp Hoa Kinh*, *Bi Hoa Kinh,v.v*... Qua sự hư cấu của người Trung Quốc, Ngài có một "lí lịch" trần gian không khác mấy cách mà họ tạo ra các vị thần Đạo giáo như Quan Thánh Đế Quân chẳng hạn. "Lí lịch trần gian của Quan Thế Âm do người thời Nguyên soạn cùng thời với Tạng thức về tạo tượng vào nội địa Trung Quốc"(1).

Trong Phật giáo Đại thừa, Quán Thế Âm Bồ tát thể hiện tư tưởng Đại từ, Đại bi. Phật Bà Quan Âm là người nghe thấu tất cả tiếng cầu cứu của chúng sinh đau khổ bất kì ở thế giới nào, giàu lòng thương người, cứu khổ, cứu nạn. Khi thâm nhập vào Việt Nam, qua tư duy mềm dẻo, linh hoạt, dễ khoan dung trong lối ứng xử văn hóa, người Việt Nam đã tạo ra một lí lịch trần gian khác cho Phật Bà Quan Âm dưới danh hiệu Bà Chúa Ba, đưa Bà Chúa Ba vào động Hương Tích với diễn tả gần với tâm hồn người Việt (còn gọi là Phật Bà chùa Hương). Theo Phật thoại Trung Quốc, Bà Chúa Ba bị vua cha đưa vào Chùa Hương Tích ở phía nam Lạc Dương, tỉnh Hà Nam, Trung Quốc ngày nay. Nhưng người Việt Nam lại dựng lên hình ảnh hổ cõng Bà Chúa Ba. Vốn là Thần Hổ trấn cửa rừng (tức Sơn thần) mà nay thành Đền Trình án ngữ đường vào chùa Thiên Trù. Chính sự kết hợp Sơn thần với Bà Chúa Ba đã làm cho sự tích Bà Chúa Ba mang màu sắc thần thoại dân gian Việt Nam, dễ thâm nhập vào lòng người. Điều này ăn sâu vào trong tư tưởng Phật giáo Việt Nam, hằng năm mọi tầng lớp nhân dân đều tâm niệm trẩy hội Chùa Hương.

Với tư tưởng từ bi cứu độ, hình tượng Phật Bà Quan Âm đã đi sâu vào nếp nghĩ của người dân Việt Nam. Mỗi khi gặp nạn, kêu cứu Quan Thế Âm là để tiếp tục sống đời thường chứ không phải để siêu độ lên cõi Niết Bàn hay Tịnh độ. Sự tôn thờ hình tượng Phật Bà Quan Âm trong Phật giáo Việt Nam còn mang đậm yếu tố tín ngưỡng phồn thực. Bởi các Phật tử Việt Nam luôn tin tưởng khi muốn sinh

*. ThS., Thích Đàm Thanh, Chùa Mía, Sơn Tây, Hà Nội.

1. Nguyễn Duy Hinh . *Một số bài viết về Tôn giáo học*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2007, tr. 592.

con trai hay con gái đều đến cầu xin Phật Bà Quan Âm.

Tư tưởng từ bi qua hình tượng Phật Bà Quan Âm cứu độ chúng sinh trong động Hương Tích được thể hiện như sau: "Trong động Hương Tích có cây vàng, cây bạc, đụn gạo, đụn thóc, có cô, có cậu, tất nhiên đều là những thạch nhũ thể hiện tâm nguyện và quyền năng của Quan Âm tương hợp với nỗi đau nhân thế"[2]. Những hình ảnh đó mang ý nghĩa tư tưởng cứu độ của Phật Bà Quan Âm được người Việt Nam truyền tải một cách cụ thể: nghèo thì đến xin gạo, xin thóc, xin vàng, xin bạc. Không con thừa tự thì đến xin cô, xin cậu. Chỉ cần phát nguyện, dâng hương trước bàn thờ rồi đến sờ tay xoa đầu cậu, xoa đầu cô, khấn xin về với gia đình. Cần gạo, thóc, tiền bạc cũng lễ rồi đến xoa vào các đụn đó khấn xin về.

Đối với người Việt Nam chỉ có hai nỗi khổ lớn nhất là không có gạo để ăn, để sống và không có con để nối dõi tông đường hay vui cửa vui nhà. Đã có những huyền thoại về gia đình này, gia đình kia xin được con cầu từ Chùa Hương, mỗi năm đều vào trả lễ. Tất nhiên không thể tin rằng có chuyện đầu thai, nhưng đó là một tâm linh tôn giáo. Đối với những người buôn bán cầu nhất bản vạn lợi thì thờ tượng Quan Âm trong nhà. Đối với những người đi thuyền thì thờ trên thuyền cầu bình an vô sự,v.v... trong khi với người "Trung Quốc thì thần tài là Triệu Công Minh, thần buôn bán là Quan Đế, thần Hàng Hải là Thiên Hậu đều là những thần linh Đạo giáo"[3]. Những vị thần này cũng du nhập vào nước ta chủ yếu theo chân thương nhân Hoa kiều, nhưng không lấn át được Quan Âm trong tư tưởng người Việt, mặc dù người Việt Nam cũng tôn kính các vị thần đó.

Đương nhiên không chỉ riêng Quan Âm, mà bây giờ bất kì chùa nào, bất kì Phật nào cũng được người Việt Nam, chủ yếu là các bà mẹ khấn xin điều đó. Tuy vậy, người ta vẫn coi trọng ân đức và quyền năng của Quan Âm. Đó là nguyên nhân khiến cho các lễ hội Quan Âm đông nhất từ trước đến nay, ví như: Hội Chùa Hương (Hà Tây); Hội Quán Thế Âm (Đà Nẵng); Hội Đền Quan Âm Ỷ Lan (Hưng Yên),v.v...

Xét về mặt lí luận Tứ Diệu Đế thời Phật giáo nguyên thủy thì hiện tượng Quan Âm ban phát của cải, con cái là trái với chân lí giải thoát luân hồi. Hiện tượng từ bi của Quan Âm chỉ có thể được chấp nhận trong giai đoạn Phật giáo Đại thừa và trong tâm lí tôn giáo bình dân.

Như vậy, tư tưởng từ bi của Quan Âm thuộc nấc thang thứ hai trong giáo lí Phật giáo. Tuy thuộc dòng Đại thừa nhưng lại đặc thù, gắn bó với nhân sinh hơn, mang tính chất tình cảm tôn giáo hơn cả lí tưởng tôn giáo.

Tư tưởng từ bi của Phật Bà Quan Âm đã ăn sâu trong lịch sử văn hóa Việt Nam. Người Việt Nam còn tạo ra những Phật Bà riêng cho mình như: Bà Tấm Quan Âm (Hoàng hậu Ỷ Lan), Quan Âm Thị Kính (Quan Âm Tống Tử), Phật Mẫu Man Nương. Việc dựng chùa Một Cột thờ Phật Bà Quan Âm và hệ thống các chùa chiền mang tên phụ nữ như: Chùa Bà Dâu, Chùa Bà Đậu, Chùa Bà Đá, Chùa Bà Nành, Chùa Bà Đanh, Chùa Bà, Tướng,v.v...

2. Nguyễn Duy Hinh. Sđd , tr. 604.
3. Nguyễn Duy Hinh. Sđd, tr. 605.

chứng tỏ tình cảm Phật giáo của đông đảo quần chúng bình dân Việt Nam, thể hiện tín ngưỡng Quan Âm đã được dân gian hóa, có nguồn gốc sâu xa trong lịch sử tư tưởng Việt Nam.

Tư tưởng Từ Bi của Phật Bà Quan Âm thích hợp với tâm linh tôn giáo người Việt, đặc biệt thích hợp với tâm lí phụ nữ Việt Nam bất kì thời nào. Tinh thần Mẹ Việt Nam đã ăn sâu và hòa nhập trong Phật Bà Quan Âm. Chính vì vậy mà Phật Bà Quan Âm mới có sức sống mãnh liệt trong tâm hồn Việt. Tâm linh của Phật giáo Việt Nam như thế là gần gũi với tình Mẫu Tử.

Như vậy, hình ảnh Phật Bà Quan Âm trong dòng tư tưởng Phật giáo Việt Nam đã có sự hòa nhập với tín ngưỡng bản địa và thiên về tính trội của yếu tố nữ, đây là điểm đặc sắc của Phật giáo Việt Nam. Sở dĩ trong Phật giáo Việt Nam, đặc biệt là thời kì đầu du nhập từ thế kỉ I sau Công nguyên đến thế kỉ X và ngày nay luôn đề cao hình tượng Quan Âm, thể hiện tính trội của yếu tố nữ là bởi vì trước khi đạo Phật vào Việt Nam thì dân tộc ta đã có tín ngưỡng thờ Mẫu. Cư dân Việt đã thờ ba bà mẹ sáng tạo ra muôn vật. Trong tâm linh của cư dân Việt cổ, ba vị này là chủ thể sáng tạo ra ba địa bàn hoàn chỉnh của đất nước: vùng trời, vùng đất (kể cả rừng núi), vùng biển (kể cả sông ngòi). Bên cạnh tín ngưỡng thờ ba bà mẹ, dân tộc ta còn có tục lệ thờ các vị thần nông nghiệp, các vị thần về hiện tượng tự nhiên,v.v...Tất cả việc thờ cúng này mang ý nghĩa duy vật thô sơ. Không lấy làm lạ là trong kho tàng truyện cổ dân gian Việt Nam, chúng ta thường bắt gặp hình ảnh các bà mẹ: Mẹ Âu Cơ với cái bọc trăm trứng - biểu tượng cho sự khai sinh ra dân tộc; Mẹ Âu Cơ dạy dân trồng lúa, trồng dâu nuôi tằm dệt vải - biểu tượng cho sự sáng tạo văn hóa; Mẹ của Thánh Gióng - biểu tượng cho người sinh ra vị anh hùng trong công cuộc bảo vệ đất nước; Mẹ Man Nương với hòn đá phát sáng (Thạch Quang) ở gốc cây thiêng Dung Thụ, đưa Man Nương thành Phật Mẫu và các con là các nữ thần Mây, Mưa, Sấm, Chớp cùng hệ thống chùa Tứ pháp (Pháp Vân, Pháp Lôi, Pháp Điện, Pháp Vũ) gắn bó với đời sống của cư dân nông nghiệp lúa nước Phương Nam. Những hình ảnh người mẹ ấy đã phản ánh một chặng đường dài phát triển của lịch sử dân tộc với quá trình dựng nước và giữ nước, đảm bảo cho dân tộc Việt Nam khắc phục được cả thiên tai và địch họa. Cũng từ mốc văn hóa Mẫu Man Nương mà chùa Việt Nam bên cạnh thờ Phật còn có cả thờ Mẫu (Tiền Phật hậu Thánh). Mặt khác, vốn là một dân tộc tự lực tự cường, truyền thống bất khuất cùng sự linh hoạt mềm dẻo của cư dân lúa nước, cha ông ta ngày ấy đã biết tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, kể cả những tinh hoa từ phía đối phương.

Phật giáo là một tôn giáo rộng mở bình dân. Chất rộng mở bình dân này rất phù hợp với tính phóng khoáng rộng mở, linh hoạt, mền dẻo của cư dân lúa nước. Đó là lí do tại sao Phật giáo khi truyền sang nước ta lại dễ dàng bắt rễ nhanh chóng trong tâm linh của cư dân nơi đây. Điều này cho thấy sự hỗn dung tư tưởng trong văn hóa Việt - Ấn. Hình ảnh Phật Bà Quan Âm trong dòng tư tưởng Phật giáo Việt Nam còn thể hiện tư tưởng tu hiếu hạnh để độ mình và thân nhân là tự độ,

tu nhân hạnh để độ chúng sinh là độ tha. Như thế là đã làm tròn sứ mệnh thượng cầu Phật đạo hạ hóa chúng sinh theo tư tưởng Phật giáo Đại thừa. Trong nhân gian có câu:

Chân như đạo Phật rất màu

Tâm trung chữ Hiếu niệm đầu chữ nhân

Hiếu là độ được đấng thân

Nhân là cứu vớt trầm luân muôn loài

Thần thông nghìn mắt nghìn tay

Cũng trong một điểm linh đài mà ra

Rằng trong bể nước Nam ta

Chùa Hương có đức Phật Bà Quan Âm...

Với hai chữ nhân - hiếu, hình tượng đức Quan Âm không phải là điều gì xa vời, huyễn hoặc như một số người ngộ nhận. Nó có sẵn trong lòng người, trong thôn xóm Việt Nam, là truyền thống văn hóa dân tộc, là quy chuẩn đạo đức siêu việt thời gian và không gian. Như thế, hình tượng này có thể nói là biểu trưng của nền văn hóa Việt, đồng thời nó cũng chiếm một địa vị vô cùng quan trọng trong niềm tin của người dân Việt Nam. Hình tượng đức Quan Âm là hình ảnh của một ý chí kiên định như kim cương, một tình thương bao la rộng lớn như biển thái bình, bao trùm cả gia đình và nhân loại.

"*Làng Yến Vĩ có non Hương Tích*

Bao khí thiêng đất Việt đúc nên

Phật Quan Âm ngự tòa sen

Mười phương quý tiện đua chen tìm về".

Hình tượng Phật Bà Quan Âm là hình bóng rất quen thuộc trong tâm thức người Phật tử Việt Nam. Tư tưởng hiếu thuận, thương người, nhẫn nhục, độ lượng, bao dung, từ bi là những đức tính truyền thống của người Việt Nam vốn có tự ngàn xưa, được Phật giáo bồi đắp và làm giàu thêm. Hình tượng Quan Âm trong ngôi chùa Việt Nam là sự hiện diện tiêu biểu cho những đức tính đó của người Việt. Đồng thời cũng thể hiện tư tưởng, lòng mong cầu và niềm tin của người Việt vào một cuộc sống luôn nhận được sự cứu độ của Phật Bà Quan Âm, một cuộc sống an lạc, bình yên và hạnh phúc. Người Việt đã Phật hóa những con người nhân từ phúc hậu. Hoàng hậu Ỷ Lan có công với nước, được Phật hóa thành Bà Tấm Quan Âm. Lòng nhân từ tế độ người nghèo khổ của Hoàng hậu được dân gian hóa thành Phật. Ngay đến lúc Phật giáo khủng hoảng, hình ảnh Phật Bà Quan Âm với lòng từ bi cứu độ vẫn tỏa sáng trong vở chèo Quan Âm Thị Kính. Như vậy, so với lai lịch và hành trạng của các vị Quan Âm Bồ Tát là các nam giới trên đất Phật Ấn Độ, người Việt đã làm mới hoàn toàn linh tượng và hành trạng của Phật Bà Quan Âm - Bà Chúa Ba và sáng tạo thêm hai linh tượng/ nhân vật Phật giáo mới là Quan Âm Thị Kính và Quan Âm Ỷ Lan. Ba người phụ nữ được suy tôn là Phật Bà Quan Âm bằng ba con đường khác nhau. Bồ Tát Quan Âm được phong là Phật Bà, được thờ trong nhà dân, chứ không phải sơn son thếp vàng và do những bà mẹ quy y sớm tối cầu xin tai qua nạn khỏi, của cải sinh sôi không cần kinh kệ. Tư tưởng từ bi thổi qua vườn văn học nước nhà thấm đẫm trong các tác phẩm không lấy Phật giáo làm tư tưởng chủ đạo. Hãy lấy *Truyện Kiều* của Nguyễn Du làm

minh chứng. Trong *Truyện Kiều*, Thúy Kiều nhờ Quan Âm Các để lánh nạn Hoạn Thư, và ngôi chùa của Ni sư Giác Duyên biến thành "Chiêu ẩn Am" để đón Thúy Kiều trốn khỏi nanh vuốt Hoạn Thư. Rồi cũng lại dưới mái thảo đường của vị Ni Sư đầy lòng từ bi ấy, Thúy Kiều trở lại với nếp sống "gió trăng mát mặt, muối dưa chay lòng", sau khi được vớt lên khỏi sông Tiền Đường. Sự xuất hiện của Quan Âm và sư Giác Duyên giữa một rừng nhân vật Nho giáo cứu Kiều thoát khỏi đời sống lầm than hiện hữu không hẹn một kiếp sau trên cõi Niết Bàn. Tư tưởng từ bi nhân bản khoan dung của Phật giáo đã làm nên một phần giá trị của Truyện Kiều.

Tóm lại, biểu hiện của yếu tố nữ được thể hiện đậm nét trong dòng tư tưởng Phật giáo Việt Nam qua hình tượng Phật Bà Quan Âm được bộc lộ một cách cụ thể và sâu sắc với tư tưởng từ bi, cứu khổ, cứu nạn là một trong những đặc điểm tiêu biểu của đạo Phật. Trong sự gắn bó với đời sống của dân tộc Việt Nam, một phần tư tưởng từ bi, cứu khổ, cứu nạn của đạo Phật đã được hình tượng hóa với hình ảnh Đức Phật Quan Âm, cụ thể hơn là Phật Bà Quan Âm. Hình tượng Phật Bà Quan Âm trong dòng tư tưởng Phật giáo Việt Nam với những đặc trưng riêng biểu hiện vai trò của yếu tố nữ. Điều này cho thấy, ở Việt Nam, nữ giới không bị xem thường như ở nhiều nước khác, thậm chí họ còn được tôn trọng trong gia đình, ngoài xã hội. Sự tôn trọng dành cho nữ giới còn được người dân Việt đưa vào cả trong đời sống tâm linh của họ. Có thể thấy, trong hệ thống tôn giáo, tín ngưỡng của dân Việt, "nữ giới là đối tượng được tôn thờ và làm chủ thế giới siêu nhiên"[4]. Người Việt Nam rất coi trọng người mẹ, người phụ nữ. Điều này thấm nhuần cả vào tín ngưỡng. Khi các tôn giáo lớn du nhập vào, tình cảm đó vẫn không mất đi, nó tiếp tục ảnh hưởng tới các tôn giáo này. Ngược lại, các tôn giáo muốn ăn sâu bám rễ ở mảnh đất vốn đã có bề dày văn hóa, buộc phải tiếp thu và dung hòa với một số yếu tố của văn hóa bản địa như thờ cúng Tổ tiên, thờ các anh hùng dân tộc, trong đó có cả việc tôn thờ các yếu tố nữ.

Ở Việt Nam, "dưới con mắt của một số tín đồ Công giáo và Phật giáo thì Đức Bà Maria và Phật Bà Quan Âm có khi còn gần gũi, thân thiết và quan trọng hơn cả Chúa Giêsu và Phật Thích Ca Mầu Ni"[5]. Thật vậy, "trong một rừng biểu tượng Phật giáo nào bộ ba Tam Thân, Tam Thế, nào Thích Ca, nào Di Đà, nào Văn Thù, nào Phổ Hiền... rối trí nhớ tín đồ, thì chỉ một bà được nhân dân kính nhớ nhất: đó là Quan Âm"[6]. "Trong Phật điện Việt Nam, có cả tượng Quan Âm nam tính và tượng Quan Âm nữ tính. Nhưng dân gian chỉ biết bà Quan Âm. Bà át cả ông, đến nỗi có nhà nghiên cứu viết về Phật giáo quên cả sự tồn tại của Quan Âm nam tính thực tế tồn tại trong Phật điện Việt Nam"[7]./.

---

4. Phan Ngọc. *Bản sắc văn hóa Việt Nam*, Nxb. Văn hóa thông tin, Hà Nội, 2004, tr. 345.
5. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh. *Khoa học về tôn giáo và tín ngưỡng*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996, tr. 71.
6. Đặng Nghiêm Vạn (chủ biên). *Về tín ngưỡng tôn giáo Việt Nam hiện nay*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1998, tr. 212.
7. Đặng Nghiêm Vạn, Sđd, tr. 213.